

Số: 1075/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 01 (một) phân bón lưu hành tại Việt Nam (gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam số 1082/QĐ-BVTV-PB ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau

Địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0290 3819 000

Fax: 0290 3590 501

Mã số doanh nghiệp: 2001012298

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2023 đến ngày 10 tháng 5 năm 2028. Quyết định này hủy bỏ và thay thế Quyết định số 1082/QĐ-BVTV-PB ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: QLPB.



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC
BẢO VỆ
THỰC VẬT
Nguyễn Thị Thu Hương

**DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN ĐÀU KHÍ CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1075/QĐ-BVTV-PB ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón(*)	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng(**)	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1	Phân kali clorua	Kali Cà Mau 61	13690	Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 61,0%; Độ ẩm: 0,5%.	Bón rãnh ^(h,b,v)	<ul style="list-style-type: none">- Lúa: 30-50 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 18-22 ngày sau sạ, 38-42 ngày sau sạ và trở)- Ngô: 70-80 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 7-10 ngày sau khi trồng và 40-50 ngày sau trồng)- Mía: 150-200 kg/ha/lần (2 lần/vụ: 2-3 tháng sau trồng và 4-5 tháng sau trồng)- Cây ăn trái (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm):<ul style="list-style-type: none">+ Giai đoạn kiến thiết cơ bản 100-300 g/cây/lần (3 lần/năm, 4 tháng/lần).+ Giai đoạn kinh doanh 300-400 g/cây/lần (3-4 lần/năm, sau thu hoạch, trước ra hoa, sau đậu trái và trái phát triển)- Rau ăn trái (dưa hấu, ớt, cà chua): Bón thúc 100-150 kg/ha/lần (2-3 lần/vụ: 15-20 ngày sau trồng và trái phát triển bón 1-2 lần)- Rau ăn lá ngắn ngày: 70-120 kg/ha/lần. Bón 1-2 lần: 7-10 ngày sau trồng và 20-30 ngày sau trồng)- Cà phê, hồ tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Giai đoạn kiến thiết cơ bản: Bón 100-170 kg/ha/lần (1-2 lần). Mùa mưa bón 150-180 kg/ha/lần (3-4 lần: Đầu mùa mưa, giữa mùa mưa và cuối mùa mưa).+ Giai đoạn kiến thiết cơ bản: Bón 100-200 g/cây/lần (3-4 lần/năm: Mùa khô, đầu mùa mưa, giữa mùa mưa và cuối mùa mưa)- Chè: 50-100 kg/ha/lần (bón 6-7 lần/năm theo chu kỳ thu hoạch)	36 tháng kể từ ngày sản xuất



